

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Trang

Bà Đặng Thị Hoàng Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham dự.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08/12/2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/12/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Thanh G**, sinh ngày 26/02/1978 (xin vắng)

Địa chỉ: Khóm Đ, thị trấn Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Chị **Le A Tina (Lê Thị Quý T)**, sinh ngày 31/12/1968 (xin vắng)

Địa chỉ: 5410 Leona Dr Mew Iberia LA 70560, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2021 của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh G trình bày:

Anh G và chị T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/12/2015 được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc và sau một thời gian chị T về Hoa Kỳ và không thể trở lại Việt Nam. Từ đó, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về cách nghĩ, lối sống nên không thể hòa hợp. Tháng 9/2018, vợ chồng có liên lạc trao đổi nhằm để giải quyết những mâu thuẫn, bất đồng nhưng kết quả vẫn không thể hòa hợp được. Đến thời điểm hiện nay thì vợ chồng không còn tình cảm, quan hệ hôn nhân ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T. Khi ly hôn, về con chung, về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong bản tự khai và đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về con chung và tài sản chung đề ngày 30/7/2021 của bị đơn chị T trình bày:

Chị T và anh G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long vào ngày 17/12/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung được một khoảng thời gian thì chị T phải về Hoa Kỳ và không thể trở lại Việt Nam. Từ đó, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về cách nghĩ, lối sống nên không thể hòa hợp. Từ tháng 9/2018, vợ chồng có trao đổi nhằm để giải quyết những mâu thuẫn, bất đồng nhưng kết quả vẫn không thể hòa hợp được. Đến thời điểm hiện nay thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn và không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đồng ý ly hôn với anh G. Khi ly hôn, về con chung, về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh G và chị T có đăng ký kết hôn vào ngày 17/12/2015 được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Anh G là công dân Việt Nam và tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc tranh chấp ly hôn giữa anh G và chị T thì chị T đang định cư tại Hoa Kỳ nên quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ việc là pháp luật Việt Nam được quy định tại khoản 2 Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ngày 30/7/2021, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Ngày 23/12/2021, anh G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh G theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn vào năm 2015, anh G và chị T đều thừa nhận trong khoảng thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khi chị T về Hoa Kỳ và không trở lại Việt Nam, nên từ đó tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về cách nghĩ, về lối sống nên không thể hòa hợp. Vì vậy, anh G yêu cầu được ly hôn với chị T và chị cũng đồng ý ly hôn.

Lẽ ra, về tình nghĩa vợ chồng thì anh G và chị T đều phải có nghĩa vụ thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, thực tế cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh G và chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên theo yêu cầu ly hôn của

anh G và chị T đồng ý ly hôn với anh G là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh G và chị T đều khai không có không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 và Điều 127 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thanh G được ly hôn với chị Le A Tina (Lê Thị Quý T).

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Nguyễn Thanh G và chị Le A Tina (Lê Thị Quý T) đều khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Thanh G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000034 ngày 02/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, nên anh G không phải nộp thêm.

[4] Về thời hạn kháng cáo: Anh Nguyễn Thanh G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Le A Tina (Lê Thị Quý T) có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án này được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- CATAND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa